

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20-6-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ;

2. Ông Trương Hữu Bình;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 93/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị V, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú: Nhà T, đường N, tổ H, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú: Ấp Đ, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn ngày 29/4/2025, quá trình tố tụng, nguyên đơn bà V trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà V và ông S có mối quan hệ là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 16/3/2025. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc. Những năm gần đây, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và không sống chung từ 04 năm nay. Bà V nhận thấy tình cảm vợ chồng hiện không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn ly hôn với ông S.

- *Về con chung*: Có một con chung tên Nguyễn Thành N, sinh ngày 07/7/2016. Bà V yêu cầu Tòa án giao con cho ông S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn giao nộp: Bản chính đơn xin ly hôn; bản sao giấy chứng nhận kết hôn.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/6/2025, bị đơn ông S trình bày:***

Ông S thống nhất với ý kiến bà V về việc có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 16/3/2025. Trước yêu cầu ly hôn của bà V thì ông S đồng ý. Về con chung: Ông S yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thành N, sinh ngày 07/7/2016 và không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà V khởi kiện tranh chấp ly hôn đối với bị đơn ông S. Ông S có nơi cư trú tại huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng và quan hệ pháp luật

tranh chấp là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà V:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà V và ông S có mối quan hệ là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 16/3/2025. Hôn nhân giữa bà V và ông S đã thực hiện đúng thủ tục quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Trong thời gian chung sống, bà V và ông S có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do sống chung không hợp, không ai quan tâm, chăm sóc nhau; hiện vợ chồng không còn ở chung hơn 04 năm nay. Quá trình giải quyết vụ án, ông S đồng ý ly hôn và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà V được ly hôn với ông S theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống, bà V và ông S có một con chung tên Nguyễn Thành N, sinh ngày 07/7/2016. Xét thấy, cháu N có nguyện vọng được sống cùng với ông S nên Hội đồng xét xử giao cháu cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] *Về cấp dưỡng*: Ông S không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện trên.

[3.4] *Về tài sản chung*: Bà V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.5] *Về nợ chung*: Bà V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa cũng như nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Bà V tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 19, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 107 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Lê Thị V đối với ông Nguyễn Thành S.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị V được ly hôn với ông Nguyễn Thành S.

1.2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Ông Nguyễn Thành S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thành N, sinh ngày 07/7/2016 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Thành S về việc không yêu cầu bà Lê Thị V cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà V không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Lê Thị V tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0007482 ngày 08/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Nam